

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2073/TTr-SNN ngày 24 tháng 6 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5831/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, SNN, KSTT.



**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Đức Thor**





**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
<b>I. Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007932
3	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1.007933
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004363
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004346
6	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	1.004509
7	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	1.004493
8	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	1.003984
<b>II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm</b>		
1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	TTHC đặc thù
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP	TTHC đặc thù
<b>III. Lĩnh vực công bố hợp quy sản phẩm hàng hóa, vật tư lĩnh vực nông nghiệp</b>		
1	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm hàng hóa, vật tư lĩnh vực nông nghiệp	TTHC đặc thù
<b>IV. Lĩnh vực Chăn nuôi</b>		



1	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008126
2	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008127
3	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008128
4	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008129
<b>V. Lĩnh vực Thú y</b>		
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp thành phố (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	2.001064
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	1.005319
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.004839
5	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1.004022
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	1.003781
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	1.005327
8	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	1.003619
9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	1.00381
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	1.003612
11	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	1.003598
12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	1.003589
13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	1.003577
14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng	1.002239



	nhận	
15	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp thành phố	1.002338
16	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp thành phố	2.000873
17	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	2.002132
<b>VI. Lĩnh vực thủy sản</b>		
1	Xóa đăng ký tàu cá	1.003681
2	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	1.003666
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.00365
4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003634
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	1.003586
6	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1.004359
7	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	1.004344
8	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	1.003563
9	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	1.004918
10	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	1.004915
11	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	1.004913
12	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	1.004697
13	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	1.004692
14	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	1.004684
15	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	1.004680
16	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656
17	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004923
18	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004921



19	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	1.004056
20	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	1.003590
21	Hỗ trợ về kinh phí bảo hiểm thân tàu; thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá; máy, thiết bị dùng trong bảo quản sản phẩm; máy, thiết bị dùng trong khai thác thủy sản	TTHC đặc thù
22	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (tàu cá, cảng cá, cơ sở nuôi trồng thủy sản)	TTHC đặc thù
23	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự cố thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP (tàu cá, cảng cá, cơ sở nuôi trồng thủy sản)	TTHC đặc thù
24	Tiếp nhận Công bố tiêu chuẩn cơ sở sản xuất giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản	TTHC đặc thù
25	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	TTHC đặc thù
<b>VII. Lĩnh vực thủy lợi</b>		
1	Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố quản lý	1.003867
2	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.004385
3	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.003887
4	Thủ tục cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.004427
5	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND thành phố	2.001793
6	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.004399
7	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm	1.003870



	quyền cấp phép của UBND thành phố	
8	Thủ tục cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	2.001795
9	Thủ tục cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.003921
10	Thủ tục cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.003893
11	Thủ tục cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	2.001791
12	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	2.001796
13	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	2.001426
14	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	2.001401
15	Thủ tục cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	1.003880
16	Thủ tục phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND thành phố quản lý	2.001804
17	Thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	1.003232
18	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	1.003211
19	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	1.003221



20	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND thành phố	1.003203
<b>VIII. Lĩnh vực lâm nghiệp</b>		
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do UBND cấp thành phố Quyết định đầu tư)	1.007918
2	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	1.007917
3	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	1.000081
4	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc UBND cấp thành phố quản lý	1.000077
5	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp thành phố	2.000030
6	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp thành phố thành lập	1.000065
7	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một thành phố)	1.000058
8	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.000084
9	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	1.000055
10	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	1.004815
11	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	1.000052
12	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047
13	Xác nhận bảng kê lâm sản	1.000037
14	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	1.000071



<b>IX. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản</b>		
1	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	2.001838
2	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	2.001241
<b>X. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>		
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	1.003524
2	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	1.003486
3	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp thành phố)	1.003397
<b>XI. Lĩnh vực Bảo hiểm nông nghiệp</b>		
1	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2.002169
2	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005411
<b>XII. Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình</b>		
1	Thẩm định, tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành nông nghiệp và PTNT	TTHC đặc thù
2	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng	TTHC đặc thù
3	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng đối với dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc đơn vị trực thuộc Sở quản lý	TTHC đặc thù
4	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng đối với dự án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc đơn vị trực thuộc Sở quản lý	TTHC đặc thù
5	Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu/ Hồ sơ yêu cầu/Hồ sơ mời quan tâm	TTHC đặc thù
6	Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	
7	Thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (công trình thiết kế hai bước) chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	TTHC đặc thù
8	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc đơn vị trực thuộc Sở làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng	TTHC đặc thù
<b>XIII. Lĩnh vực khác</b>		
1	Lắp đặt đồng hồ nước và cấp nước sinh hoạt nông thôn	TTHC đặc thù